

GIẢM KHINH

*Bùi Trọng Liễu**

Tóm tắt

Nhân đọc một số sách báo về vài sự việc xảy ra trong những thập niên trước và sau Cách mạng tháng Tám, tác giả phát biểu ý kiến về sự nên giảm khinh trong cách suy luận. Những sự việc được đề cập không thuộc về thời sự nóng hổi ngày nay. Nhưng chúng đủ gần để có thể kiểm chứng, và đủ xa để có cái nhìn thanh thản về thời cuộc lúc đó, với sự hy vọng là chúng góp phần giúp cho việc rút kinh nghiệm cho ngày nay và mai sau.

« Giảm khinh » là « giảm nhẹ » [1]. Nhưng « giảm nhẹ » cái gì, thì là điều tôi muốn phát biểu qua mấy việc tàn mạn dưới đây, nhân đọc mấy cuốn sách.

Trong cuốn « *Chiều Chiều* » (nxb Hội nhà văn, Hà Nội 1999, trang 219-221), nhắc lại kỷ niệm thời làm phụ trách công tác khu phố trong những năm chiến tranh chống Mỹ, ông Tô Hoài có viết vài dòng về một ngôi nhà ba tầng : « Nhà này của một ông trước làm quan, cự phú, người ở nhờ không phải thuê, đều là các con cháu được gọi đến cho ở, thành phố không lấy nhà được ». Lại viết « là quan đế quốc, không phải cao cấp ta », và « ở Bản Châu quê ông ấy, dinh cơ của Vi Văn Định khang trang, như lâu đài, như toà thành [...]. Nghe nói từ năm xuống xuôi làm quan rồi lên chức tổng đốc tỉnh Thái Bình thì ông không về quê nữa [...] ». Ngoài ra, còn có những câu như : « Nguyễn Công Hoan kể : ở thị xã Thái Bình, buổi trưa ai lê guốc ngoài đường mà trong đình nghe tiếng, tổng đốc Vi Văn Định cho lính bắt vào đánh »).

Theo tôi biết, thì về chuyện cái nhà, không phải hoàn toàn như vậy. Cụ Vi Văn Định (xưa thường gọi là « cụ Vi » để tránh tên) trước kia có cái nhà rất to ở góc đường, bên bờ hồ Thuyền Cuông

(Quang) ở Hà Nội ; cái nhà ấy lấy làm nhà khách cho Trung ương Đảng Lao Động (Đảng Cộng Sản ngày nay) ; nghĩa là đã được phép đổi cái nhà « to lắm » để lấy cái nhà « to nhỏ » mà ông Tô Hoài nói. Còn chuyện quê Bản Ch(â)u của cụ Vi thì cũng không phải vậy. Sau khi làm tổng đốc Thái Bình, rồi tổng đốc Hà Đông, hàm Thái tử thiếu bảo hiệp tá đại học sĩ, tước An Phước Nam [2], rồi về hưu khoảng năm 1942, cụ Vi về sống ở quê Bản Chu. Sau Tổng khởi nghĩa, có đi kháng chiến, rồi mới về sống ở Hà Nội. Nhưng xin cho tôi kể lại từ đầu (tôi đã kể một phần trong cuốn sách « *Chuyện gia đình và ngoài đời* » của tôi), và liên quan thế nào đến vấn đề « giám khinh ».

Trong cuốn « Lý Thường Kiệt », nxb Sông Nhị, Hà Nội 1949, quyển 1, trang 86, sử gia Hoàng Xuân Hãn viết : [ngay từ thế kỉ 11] « Họ Vi là một họ lớn, chiếm vùng Tư Lăng, Lộc Châu, Tây Bình ở Tống và châu Tô Mậu ở ta. Các động trưởng ở vùng này đều họ Vi », và theo trang 156, khi Lý Thường Kiệt đánh Tống (1075) có Vi Thủ An theo cầm quân. Và trong bài « *Cuộc tiếp sứ Thanh năm 1683* » đăng trong tập san Khoa học Xã hội, số 3, 1977, bác Hãn cũng nói đến Vi Đức Thắng đang cai quản Lạng Sơn. Tôi không rõ có là tổ tiên trực tiếp của họ Vi ngày nay không, nhưng ngay cho đến năm 1945 họ Vi ở Lạng Sơn còn rất quan trọng. Có thể là vì ảnh hưởng quan trọng đó mà các chính quyền nối tiếp luôn chú ý.

Cụ Vi Văn Định vốn là bạn đồng liêu với ông ngoại tôi, lại là quan trên của bố tôi, nên thuở trước bố mẹ tôi không phải là đồng hàng. Khi bố tôi mới xuất chính (ra làm quan, thời còn Pháp thuộc), cố ý tránh để khỏi bị bổ nhiệm về Hưng Yên, nơi trấn nhiệm của cụ Vi vì lúc đó người ta đồn đại là cụ Vi rất hách, nhưng sự thật diễn ra không phải như vậy, (ít nhất là đối với bố tôi) và cũng do sự ngẫu nhiên, bố tôi bị bổ nhiệm về Hưng Yên, nơi muốn tránh. Thế rồi khi đã gặp nhau thì cụ Vi lại đặc biệt có cảm tình, không muốn rời. Rồi khi cụ Vi đổi về làm Tổng đốc Thái Bình, bố tôi cũng về làm ở Thái Bình. Hồi ở Thái Bình, năm 1935, chị cả tôi lấy anh Vi Văn Kỳ là con trai cụ Vi, nên trở thành thông gia. Gia đình đôi bên lại thêm thân vì lẽ rằng bà Vi Kim Ngọc con gái cụ Vi lấy ông Nguyễn Văn Huyền (bộ trưởng giáo dục sau này của Chính phủ Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa), do bố mẹ tôi được chỉ định làm mới khi ông « nghề Huyền » mới du học ở Pháp về. Ông Huyền lại là em ruột của bà Mão, vợ kế ông Phan Kế Toại (sau này là Khâm sai Bắc Bộ thời Chính phủ Trần Trọng Kim, rồi Bộ trưởng Nội vụ và Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), mà bà vợ trước của bác Toại lại là em họ mẹ tôi. Khi cụ Vi về làm Tổng đốc Hà Đông, và bố tôi đã thăng Bộ chánh, bố tôi lại về làm Thương tá Hà Đông. Không phải là tôi không biết những câu đồn đại, chê bai, mỉa mai hay giễu cợt về quan lại thuở trước, đúng sai bao nhiêu [3] ; nhưng tôi kể đây mơ rẽ má như vậy cho rõ những sự việc sau này, vì chúng có thể góp phần làm sáng tỏ thêm một đoạn « thăm » sử của nước nhà.

Chắc cũng ít ai chú ý, hay biết đến, một câu chuyện cũ xảy ra ở Paris : ngày 9-1-1929, nhóm Jeunes Patriotes (nhóm thanh niên cực hữu Pháp) tổ chức một buổi hội họp tại Paris ở quán cà phê Turquetti, để nghe người diễn thuyết là Pierre Đỗ Đình [Thạch] nói về đề tài « L'Indochine dans le cadre national » (nghĩa là « Đông Dương trong khung cảnh quốc gia [Pháp] »). Có một số sinh viên Việt Nam được giấy mời tham dự buổi họp ; nhưng cũng có một số sinh viên Việt Nam không có giấy mời nhưng xin vào dự thính. Giữa buổi, khi diễn giả nói là nhóm của ông ta muốn thực hiện nền phân thịnh của Đông Dương trong khung cảnh quốc gia Pháp, thì một số sinh viên Việt Nam phản đối, và một cuộc ẩu đả xảy ra giữa những sinh viên Việt Nam mà phần lớn thuộc đảng An Nam Độc lập (Parti Annamite de l'Indépendance) và cánh sinh viên hầu hết là Pháp, thuộc nhóm Jeunes Patriotes. Một số người bị thương. Nhóm Jeunes Patriotes bắt giữ mấy sinh viên Việt Nam và trao cho cảnh sát Pháp ; trong số đó có Vi Văn Lê, con trai cụ Vi mà trong gia đình thường gọi là ông cử Lê. (Theo một nguồn, thì báo *Thân Chung* ở Sài Gòn số ra ngày 21-2-1929 có thuật lại sự việc này). Sau vụ này, chính quyền Pháp ở Đông Dương làm sức ép để cụ Vi gọi con về Việt Nam, « nếu không thì sẽ lời thôi to ». Ông Lê ra mấy điều kiện với gia đình, nếu chấp nhận thì mới về, trong đó có điều kiện : không ép ra làm quan với Pháp. Cụ Vi chấp nhận. Về nước, ông Lê muốn mở phòng luật sư ở Hà Nội, mà ông nói là để bào chữa cho

những người cùng khổ, nhưng không được phép. It lâu sau, nhân một chuyến về thăm Bản Chu, ông Lê đi ngựa qua suối, bị nước lũ nên chết đuối. Trong việc các gia đình « khá giả » thuở xưa gửi con sang Tây du học, cũng có những người tiếm nhiệm những tư tưởng tiến bộ, chứ không phải là cứ đi học là để làm tay sai cho thực dân, như một số sách báo một thời khẳng định.

Vào những năm 1943-45, với biến chuyển trong tình hình quốc tế, và phong trào cách mạng dần dần lên cao, có thể nói là hầu hết người Việt Nam đều có sự mong muốn thiết tha độc lập tự chủ. Cho nên, khi xảy ra việc đảo chính Nhật 9/3/1945, ảnh hưởng của Pháp tan rã [4]. Và có thể nói rằng sau đó Cách mạng Tháng tám gặp sự hưởng ứng của mọi tầng lớp người Việt Nam, trừ vài trường hợp đặc biệt.

Sau Cách mạng tháng Tám, Hồ chủ tịch chủ trương đại đoàn kết, và sử dụng mọi thành phần [5], con cháu cụ Vi đều tham gia chính quyền (như các con rể là Nguyễn Văn Huyền làm Bộ trưởng giáo dục và bác sỹ Hồ Đắc Di làm Tổng giám đốc Đại học y, cháu rể là bác sỹ Tôn Thất Tùng, sau này là anh hùng lao động, vv.). Cuối năm 1946 ở Hà Nội, vào những ngày rất căng thẳng trước khi Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, quân đội viễn chinh Pháp khiêu khích rất dữ, tôi thấy bọn lính mũ đỏ, từng đám mang súng, dàn hàng ngang, đi giữa đường trên gheo và dọa nạt. Tôi nhớ một buổi trưa thấy anh Vi Văn Kỳ (con cụ Vi và là anh rể tôi, như đã kể trên, trước Cách mạng cũng làm quan, đến chức bố chánh Yên Bái) hót hải xuống gặp bố tôi, hai người thì thảo chuyện trò một lúc. Sau này, thấy bố tôi kể lại : anh đương ở trong nhà phố Hàng Da, thì chợt có người lên vào ; đó là C., công chức cao cấp trong guồng máy hành chính Pháp thời Pháp thuộc, một thời đã làm công sứ một tỉnh, rồi làm trưởng phòng chính trị ; người Pháp này đề nghị anh Kỳ theo Pháp lên làm tỉnh trưởng Lạng Sơn, hứa cho một tiểu đoàn lính Pháp hộ vệ. Vì thế nên anh xuống tìm bố tôi bàn kế ứng xử. Bố tôi khuyên anh lên báo ngay cho ông Giáp biết ; ngay sau đó, anh được đi vào ngay Thanh Hóa, để tránh sự theo dõi của Pháp. Liên ngay đó, chính quyền cụ Hồ cho người lên Bản Chu đón cụ Vi Văn Định về Hà Nội, (để tránh việc thực dân dụ dỗ để chia rẽ) rồi

đưa đi kháng chiến cạnh cụ Hồ cho đến ngày trở lại thủ đô. Như vậy là sau Cách mạng, trong Kháng chiến cũng như sau Kháng chiến, gia đình họ Vi cũng có nhiều công lao đóng góp, không phải là tự nhiên được chính quyền cho hưởng những quyền lợi (như câu chuyện cái nhà kể trên) từ trên trời rơi xuống. Năm 1975, tôi lại về thăm trong nước, bà Huyền có dẫn tôi lại thăm cụ Vi ở cái nhà « to nhỏ » mà ông Tô Hoài kể, lúc ấy cụ Vi đã già lắm, 98 tuổi, lúc tình lúc lẫn, nhưng nghe giới thiệu thì vẫn biết được tôi là ai.

Thuở Cách mạng Tháng tám 1945, dư luận chung trong mọi thành phần đánh giá cụ Hồ là người hiếu sinh, không bó chuyện cũ để kết tội, mà muốn đoàn kết để xây dựng tương lai. Thiết tưởng nếu ai cũng có thái độ như vậy thì hay biết mấy, đặc biệt là các nhà văn. Ông Tô Hoài có lúc cũng làm đội viên cải cách ruộng đất, như ông kể trong cuốn « *Chiều chiều* ». Thí dụ trong công tác này, ở các trang 35, 36, ông kể : « Tôi không biết ước lượng được một miếng, một sào, một mẫu rộng hẹp thế nào. Thoạt nhìn, cây ngô cũng như cây mía, cây lau. Thế mà tôi đã dạy cho nông dân kẻ khổ, đầu địa chủ,...[...] ». « Tài liệu từng chữ dạy thế, khu đoàn ủy Chu Văn Biên lên lớp dạy thế, lại nghe Trung ương Hồ Viết Thắng ngồi ô tô vôn ga đen mặc quân áo nâu về cắt nghĩa thế, “Nông dân là quân chủ lực”, chúng tôi bắt đầu tự gọi chúng tôi là “quân ông Thắng”. Ôi thôi, kế hoạch công tác phẩm phấp từng ngày, chỉ còn cách trí trá, nói dối mới sản ra các báo cáo kịp được ». Tôi không thấy ai trách ông - mà không ai trách ông, cũng là phải, bởi vì chẳng qua là thời cuộc đẩy đưa, trách nhiệm phải là ở nơi khác ; mà hình như ông cũng nghĩ vậy. Thế cũng là một cách giảm khinh, và tự giảm khinh. Mà giảm khinh cho mình được thì có lẽ cũng giảm khinh cho người khác được. Ông Nguyễn Công Hoan là tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết trào phúng nổi tiếng, viết sau Cách mạng, trong đó ông lên án rất nặng « những bọn quan lại tàn ác, nhà giàu tham lam độc địa, những kẻ lố lằng kệch cỡm... » (theo *Từ điển Văn hóa*, nxb Văn hóa-Thông tin, 1993). Tôi cũng không thấy ai trách ông Nguyễn Công Hoan về việc ông viết truyện « *Cô giáo Minh* », hoặc « *Tấm lòng vàng* », thuở trước Cách mạng : nhân vật chính là một học sinh nghèo mồ côi, được một ông thầy giáo kín đáo giúp tiền cho ăn học đến khi thành tài, trở thành một quan

huyện, đeo bài ngà, ngồi xe kéo, trở về trường cũ cảm ơn thầy, vv. Cũng không ai trách nhà văn, trước làm nhà giáo ăn lương chính quyền bảo hộ. Mà cũng phải thôi, vì lúc đó chưa phải là cái thời mà lý lịch đề nặng, chưa phải là thời đấu tố. Khi mà vua quan nhà Nguyễn trót để mất nước, ký hiệp ước nhận nền bảo hộ của Pháp, và khi nền bảo hộ này đã « ổn định » - trừ những nhà cách mạng xả thân - kẻ cũng khó mà trách nhau an phận học hành, làm ăn hay làm công chức dưới chế độ bảo hộ. Đó cũng là ý nghĩa của việc giảm khinh và tự giảm khinh.

Mà tự giảm khinh thì lại rất phổ biến :

Trong cuốn sách « *Les Blancs s'en vont* », (Người da trắng ra đi), nxb Albin Michel, 1998, cựu thủ tướng Pháp P. Messmer thú nhận rằng « Bản tuyên bố của Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp », ngày 24/3/1945 (Déclaration du gouvernement provisoire de la République française - đây là chính phủ của tướng De Gaulle vào thời gian mới giải phóng nước Pháp sau khi bị Đức Quốc xã chiếm đóng 1940-1944), là một kế hoạch không-thể-chấp-nhận-được nhằm tái lập thuộc địa (un programme inacceptable de recolonisation). Theo kế hoạch đó, thì Liên bang Đông Dương sẽ gồm năm xứ : Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Cao miên và Lào, với một chính phủ đứng đầu là một viên toàn quyền người Pháp. Chính ông Messmer viết rằng : từ ngày đảo chính Nhật 3/9/1945, không một người Việt Nam nào chấp nhận sự trở lại đô hộ của Pháp như thuở trước, và ông (Messmer) không bao giờ hiểu được tại sao tướng De Gaulle thuở ấy lại chấp nhận một Bản tuyên bố tai hại như vậy (une telle déclaration calamiteuse). Theo ông Messmer, tác giả của Bản tuyên bố này là toàn quyền (gouverneur) Laurentie, lúc đó là vụ trưởng vụ chính trị ở bộ Pháp quốc hải ngoại tức là Bộ thuộc địa (directeur des affaires politiques au ministère de la France d'outre-mer) ; nhưng chính ông này sau đó rất ân hận, và tìm cách « diễn giải » văn bản này theo một hướng tiến bộ hơn vào tháng 9 năm 1945, và do đó đã bị ông De Gaulle khiển trách nặng nề. Ông Messmer còn viết rằng, tuy nhiên, sau đó, xem chừng như ông De Gaulle đổi ý, cho nên mới có đề án đưa cựu hoàng Duy Tân lên ngôi trở lại, vào tháng chạp năm 1945 (6). Rồi ông kết luận rằng, rốt cục, ông chỉ

hoàn toàn đồng ý với ông De Gaulle [về thái độ của nước Pháp đối với Đông Dương] ngày 2/9/1966, khi ông De Gaulle tuyên bố tại Phnom Pênh: « [...] không có khả năng là các dân tộc châu Á chấp nhận sự áp đặt của người ngoài đến từ bên kia bờ biển Thái Bình Dương [nghĩa là Mỹ], dù cho với ý định nào và với vũ lực nào ». [Nguyên văn : [...] il n'y a, d'autre part, aucune chance pour que les peuples d'Asie se soumettent à la loi de l'étranger venu de l'autre rive du Pacifique, quelles que puissent être ses intentions et si puissantes que soient ses armes]. Nghe ông Messmer kể như vậy, thì ông là người thức thời, nhất là khi ông luận về việc những người Pháp thời 1945-46 mù quáng từ chối cái từ « độc lập » mà mọi người Việt Nam ai ai cũng tha thiết. Có điều lạ là ông lại chính là một người đã giữ những chức vụ quan trọng liên quan đến việc người Pháp trở lại Đông Dương lúc đó : trưởng đoàn quân sự liên lạc về hành chính ở Viễn Đông (chef de la mission militaire de liaison administrative en Extrême Orient), nhảy dù xuống Bắc Bộ vào tháng 9 năm 1945, đoàn viên « đặc lực » của phái đoàn Pháp ở hội nghị Đà Lạt (10/4-11/5/1945) và hội nghị Fontainebleau (6/7-10/9/1946), đoàn viên của phái đoàn bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Marius Moutet đi thị sát Đông Dương (27/12/1946 tám ngày sau ngày toàn quốc kháng chiến), chánh văn phòng của Cao ủy Đông Dương Bollaert bốn tháng sau, ... Như vậy xem chừng trách nhiệm toàn là nằm ở nơi khác. Một trong những thí dụ của sự tự giảm khinh !

Trong cuốn hồi ký « *Mémoires accessoires* », 1921-1946, nxb Plon, 1997, trang 392, đô đốc De Gaulle (con của tướng De Gaulle) viết rằng : vào đầu tháng 12 năm 1946, đô đốc D'Argenlieu, cao ủy Pháp ở Đông Dương hỏi tướng De Gaulle rằng có được phép dùng từ « độc lập » trong các hiệp định [có thể ký với Việt Nam] không, và được trả lời là « được » (sic). [Nguyên văn đoạn đó là : *Au début de décembre, il [Jean Sainteny] y rencontre Ho Chi Minh et, à la fin du même mois, l'amiral d'Argenlieu demande au général de Gaulle, qui répond affirmativement, si le terme d' « indépendance » peut être accepté dans les accords et, puisque Bao Dai a abdiqué fin août, et si le retour de l'ex-empereur Duy Tan (prince Vinh San) serait envisageable. Mais ce dernier a trouvé la mort dans un accident d'avion à Madagascar (sic) deux*

jours auparavant. [...] le général de Gaulle aura quitté le pouvoir le 20 janvier (1946). A partir de cette date, la question indochinoise lui échappe]. (Kỳ thật ra, chính quyền Pháp chỉ chấp nhận dùng từ «độc lập» cho Việt Nam lần đầu tiên trong Thỏa ước Elysée với ông Bảo Đại năm 1949, mà đó cũng chỉ mới là trên giấy tờ). Đô đốc De Gaulle này chỉ là nhân chứng gián tiếp, viết nhảm một số điều (thí dụ như về vụ việc cựu hoàng Duy Tân), nhưng có lẽ ông ta có ý muốn giảm khinh trách nhiệm của cha mình trong nguồn gốc của chiến tranh ở Việt Nam.

Nhưng giảm khinh và tự giảm khinh cũng có giới hạn của nó. Thí dụ như lời ông Hoàng Cao Khải (1850-1933) trong « *Guong sử Nam* », nxb Dufour và Nguyễn Văn Vĩnh, 1910, bàn về việc nước Pháp chiếm nước ta và trách nhiệm của triều đình và các sĩ phu thuở đó. Ông ta có viết những câu như sau (trích từ cuốn *Việt văn giáo khoa thư*, cho học sinh bậc Cao đẳng tiểu học Đông Pháp năm thứ 3 và năm thứ 4): « Một là lầm vì sự học mình [tường] đã là văn minh, hai thì lầm vì thế nước Tàu đáng [n]ên tin cậy. Dẫu rằng nước Lang-sa cũng cho tàu cho súng mà mình vẫn không học, không theo. Cho nên đánh [thua] một trận thì thêm một tờ hòa ước, một tờ hòa ước thì thêm mấy mươi điều [...] [7]. Lúc đương đánh thì duy tân chắc ở phen này, lúc đã hòa thì thủ cựu lại hơn khi trước. Tuy rằng buổi ấy cũng có người dưng số xin cho các nước thông thương như là ông Phạm Phú Thứ là quan tổng đốc, như là người Nguyễn Trường Tộ là kẻ học trò. Những người thông hiểu tình thế ngoại quốc chẳng qua được một vài người, mà khăng khăng giữ lấy thói quen, phần ấy là một phần nhiều trong một nước. [...]. Không hiểu tình thế ngoại quốc mà không theo [việc duy tân], lỗi ấy còn là lỗi nhỏ; đã hiểu tình thế ngoại quốc mà không chịu theo, lỗi ấy mới là lỗi to. Các sự lỗi ấy, có phải là ở quân tướng mình mà thôi đâu, tưởng rằng những kẻ sĩ phu nước ta, cũng không chôi được cái lỗi ấy vậy. [...]. Thế mới biết cái sự lỗi ấy bởi tại nước mình, dẫu rằng nước Lang-sa không lấy mình, thì nước khác cũng lấy mà thôi, không nên trách tại ai vậy ». (Những chữ trong ngoặc [...], là do tôi thêm để ghi rằng đó là cách hiểu của tôi). Nếu là lời của người khác viết, thì không phải là không có sức thuyết phục. Nhưng vào trường hợp của ông Hoàng Cao Khải, Kinh lược Bắc kỳ, Diên Mậu quận công, đã từng đánh

đẹp phong trào Cần vương, giúp cho Pháp củng cố nền bảo hộ, thì có thể hiểu là lời tự bào chữa cho những hành động của bản thân mình mà chính mình cũng thấy là không phải. Nhưng còn đối với con cháu ông ta, thì tình hình lại khác [8].

Ý tôi muốn phát biểu là : phải chăng, nhìn về quá khứ, nên giảm khinh, để rồi cùng nhau tập trung tâm trí giải quyết những việc khẩn cấp cho hiện tại và cho tương lai ?

* *Giáo sư đại học (Paris, Pháp)*

Chú thích

- [1] Lại liên tưởng đến chữ « khinh », trong một khung cảnh khác. Đó là trong câu của Mạnh tử : « *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh* ». Trong cuốn « *Nho giáo* », nxb Tân Việt, quyển thượng, tr.245, tác giả Trần Trọng Kim dịch là « *Dân làm quý, xã tắc là thứ, vua làm khinh* ». Có người, do thời cuộc và thời thượng, có lẽ muốn chứng tỏ tinh thần cách mạng cao, bảo rằng khinh đây là « khinh bi », nhưng tôi thiết tưởng thời quân chủ chuyên chế ai dám khinh nhà vua, có lẽ nên hiểu theo nghĩa « nhẹ » hay « không quý bằng » thôi.
- [2] Cho nên thuở ấy gọi là cụ « thiếu » Vi, còn người Pháp quen thuộc thì gọi là « le baron » (nghĩa là ông nam tước). Và cũng có câu nói đùa rằng: ông « thiếu » thì to, ông « thừa » thì bé (vì « thừa phải » là viên chức nhỏ làm việc bàn giấy ở các công đường của các quan lại Nam triều thuở trước).
- [3] Thí dụ như mấy câu ở vùng Hà Đông thời đó : « *Hoàng trùng đi, Vi trùng lại. Suy đi nghĩ lại, Vi hại hơn Hoàng* », tiếng là để nói việc thuở ấy vừa qua khỏi họa sâu « hoàng trùng » cắn lúa, thì lại bị nạn « vi trùng » dịch tả, nhưng cũng để mỉa việc tổng đốc Hoàng Trọng Phu (xem chú thích [7] dưới đây) về hưu, và tổng đốc Vi Văn Định thay thế.
- [4] Trong cuốn hồi ký của mình (xem trong bài), cựu thủ tướng Pháp Piere Messmer viết : « *A partir de mars 1945, le peuple vietnamien est, sauf exception, hostile à la France [...]* ». Câu này không quá đáng. Cũng nhắc lại là trước đó, tình hình thế giới không thuận lợi

cho Pháp, chính quyền bảo hộ Đông Dương muốn phần nào vượt ve một số người Việt Nam và tránh bớt sự đụng chạm lòng tự ái của người Việt Nam nói chung, cho nên lúc đó mới có lệ viên chức người Pháp xưng hô với các quan Nam triều đầu tỉnh (loại tuần phủ, tổng đốc) ở Bắc và Trung kỳ, gọi các ông quan này bằng « Son Excellence » (Ngài), và có lệ các quan Nam triều này đi xe hơi có cấm lá cờ long tinh, thêu chức tước của mình. Tôi xin kể một câu chuyện vụn vặt : Vào năm 1944, bố tôi được bổ về làm tuần phủ Thái Nguyên. Thời ấy vì đang thế chiến thứ hai, các xe hơi di chuyển đều phải có giấy phép thông hành (laissez-passer), tất nhiên là của chính quyền bảo hộ Pháp. Cuối hè năm đó, nhân chuyển chỗ chúng tôi về nơi trọ học, chưa ra khỏi địa phận Thái Nguyên thì bị viên « Cấm » người Pháp (cảnh sát trưởng, commissaire de police, trong Nam gọi là « Cò ») chặn lại hỏi giấy. Bố tôi không đưa cho xem giấy, và chỉ cái bài ngà đeo ở ngực và cái cò ở đầu xe, bảo rằng hai vật này là giấy thông hành đó. Giằng co một hồi, viên Cấm này không biết làm sao, đành để cho đi. Khi bố tôi trở lại tỉnh lỵ, gặp viên Công sứ Pháp, yêu cầu thuyết chuyển ngay viên Cấm kia, không cho ở Thái Nguyên nữa. Viên công sứ thương lượng, đề nghị cho viên Cấm kia lại xin lỗi, nhưng bố tôi nhất định không chịu. Cụ Vi Văn Định lúc đó đã nghỉ hưu, và vào dịp mấy ngày này lại đang về thăm ông con cả đang ngụ ở tỉnh lỵ Thái Nguyên, cũng bảo bố tôi : « Đừng cho nó xin lỗi, cứ đòi đổi nó đi nơi khác. Hám gì cái chức tuần phủ Thái Nguyên, đừng nhượng bộ lão Sứ ». Rồi cục viên Cấm kia bị đổi đi nơi khác. [...]. Cuối năm đó, cách mạng hoạt động mạnh ở vùng này ; viên công sứ Pháp bị cất chức, còn bố tôi bị thuyết chuyển về tỉnh Phúc Yên nhỏ hơn, vì cả hai bị Thống sứ Bắc kỳ khiển trách là bất lực. Kỳ thật ra thời đó, qua trung gian gợi ý, bố mẹ tôi đã mua tín phiếu ủng hộ Việt Minh. Bố tôi bị đổi cũng là vào lúc chính quyền bảo hộ Pháp đưa tuần phủ C.Đ.V. lên Thái Nguyên, đưa mật thám lên bắt bớ, tra tấn ...

- [5] Chính bố tôi cũng được đề nghị ra làm « đồng lý sự vụ » (có lẽ là tên gọi thời đó của « vụ trưởng » ngày nay) của Bộ giao thông công chính, nhưng chưa kịp nhận chức thì Kháng chiến bùng nổ. Cũng nhân dịp này, tôi xin được nhắc lại một câu chuyện, đồng thời để cải chính một câu viết không phải của tôi : Thuở cụ Vi còn

làm tổng đốc Thái Bình, trông đăm quan lại cũng có ông Nguyễn Hữu Trí, sau này vào khoảng những năm 1950, làm thủ hiến Bắc Việt trong vùng quân đội viễn chinh Pháp tạm chiếm. Ông ta vốn là bạn quen với bố tôi, và tôi có kể trong cuốn hồi ký của tôi « *Chuyện gia đình và ngoài đời* », việc ông ta ép bố tôi ra làm việc với ông ta (năm 1950), nhưng bố tôi dứt khoát từ chối, và bố tôi phải bỏ sang Pháp ở ẩn để tránh việc phải ra làm việc với chính quyền trong vùng Pháp tạm chiếm thời đó. Tạp chí «*Xưa và Nay*» số 93, tháng 6/2001, trang 27-29, có trích đăng đoạn này dưới đầu đề « *Chuyện cha tôi* » (đầu đề do tòa soạn viết ra) và có ghi thêm trong chú thích 4, rằng : « *Sau khi chia cắt đất nước năm 1954, ông [Nguyễn Hữu Trí] vào Sài Gòn thì bị người của Ngô Đình Diệm sát hại* ». Đây là một chi tiết mà tòa soạn thêm vào [mà không ghi là chú thích của tòa soạn], không phải của tôi, bởi vì tôi không khẳng định một sự việc mà tôi chưa kiểm chứng được.

- [6] Xin nhắc lại tóm tắt việc cự hoàng Duy Tân và De Gaulle : Năm 1916, Trần Cao Vân và Thái Phiên, lãnh tụ Việt Nam quang phục hội, chủ trương khởi nghĩa lật chính quyền bảo hộ Pháp để giành lại độc lập cho nước nhà. Hai nhà cách mạng này bí mật liên lạc với vua Duy Tân, xin nhà vua ra mật chỉ kêu gọi để có sự tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp vào việc khởi nghĩa. Đêm 2/5 rạng ngày 3/5/1916, vua Duy Tân cải trang ra khỏi hoàng thành, ra lời kêu gọi khởi nghĩa, nhưng bị thất bại. Những người khởi xướng bị bắt, nhiều người bị án tử hình. Riêng vua Duy Tân (lúc đó 17 tuổi) bị Pháp bắt và đày sang đảo La Réunion. Ở đảo, cựu hoàng Duy Tân (nay là ông hoàng Vĩnh San) học và hành nghề vô tuyến. Năm 1940, trong thế chiến thứ hai, ông tham gia phái kháng chiến Pháp *La France Libre* của tướng De Gaulle ở đảo, chủ yếu là trong việc sử dụng vô tuyến. (Có thể xem chi tiết trong bài « *Nhân việc đưa hài cốt cựu hoàng Duy Tân về nước* » mà tôi đăng trong báo *Tổ quốc* số tháng 4/1988 và một phần trong *Đoàn Kết*, số 393, 1987, dưới bút hiệu H.B.). Theo lời kể của ông De Boissieu (sau này là tướng, và là rể của ông De Gaulle), thì tháng 3 năm 1945, ông ta được tướng De Gaulle giao cho nhiệm vụ đưa ông Vĩnh San về Paris, và thu xếp để ông Vĩnh San được đi « tập sự » ở một số đơn vị quân đội Pháp « giống như » đã dự chiến trận (vì lúc đó Đức quốc xã đã đầu hàng, chiến tranh ở châu Âu đã

chấm dứt). Và sau đó, trong cùng một sắc lệnh ký ngày 19/10/1945, ông Vĩnh San được chính quyền De Gaulle phong thiếu úy (5/12/1942), trung úy (5/12/1943), đại úy (tháng chạp 1944) và tiểu đoàn trưởng, nghĩa là tương đương với thiếu tá (25/9/1945). E.P.Thébault, trong « *Le tragique destin d'un empereur d'Annam, Vinh-San/Duy-Tân* », France-Asie-Asia, số 200, 1970, trang 3-40), kể là sắc lệnh này không đăng trong *Journal Officiel* (Công báo), nhưng ông ta có xin được một bản sao của Bureau central d'archives administratives militaires. Lúc này nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời, và bản Tuyên ngôn độc lập đã được đọc từ 2/9/1945. Ngày 14/12/1945, ông De Gaulle (lúc đó vẫn là chủ tịch Chính phủ Pháp) tiếp ông Vĩnh San. Vẫn theo ông E.P.Thébault, ngày 16/12/1945, ông Vĩnh San kể lại là chính quyền Pháp đã chấp nhận ông ta trở lại ngôi vua, và ông De Gaulle dự định sẽ cùng đi Việt Nam với ông ta, vào khoảng tháng 3/1946. Điều này, ông De Gaulle có viết trong cuốn hồi ký của ông ta « *Mémoires de guerre (1940-1945)* » tập 3, nxb Plon, 1959, trang 230 và 231 : « *Aux fins qui pourraient être utiles, je nourris un dessein secret. Il s'agit de donner à l'ancien empereur Duy-Tân les moyens de réparaître, si son successeur et parent Bao-Dai se montre, en définitive, dépassé par les événements.[...]. C'est une personnalité forte.[...]. Le 14 décembre, je le recevrai pour voir avec lui, d'homme à homme, ce que nous pourrions faire ensemble. Mais quelles que soient les personnes avec qui mon gouvernement sera amené à conclure les accords, je projette d'aller moi-même les sceller en Indochine dans l'appareil le plus solennel, quand le moment sera venu* ». Như vậy là tóí đó, lời chúng trùng hợp.

Ngày 24/12/1945, ông Vĩnh San rời Paris trong một chiếc máy bay để về thăm gia đình ở La Réunion. Ngày 26/12/1945, trên chặng đường Fort Lamy-Bangui, tai nạn xảy ra khoảng lúc 18g30. Phi đoàn gồm một thiếu tá và hai trung úy, và hành khách gồm hai quân nhân (trong đó có ông Vĩnh San) và bốn thường dân, đều bị chết hết. Theo « *Chronique d'Indochine, 1945-1947* » của đô đốc Thierry d'Argenlieu, nxb Albin Michel, 1985, trang 436-437, và « *Le général De Gaulle et l'Indochine, 1940-1946* » (colloque tenu par l'Institut Charles De Gaulle les 20 et 21 février 1981, actes établis par Gilbert Pilleul, Plon édit., 1982), chính quyền Pháp có mở hai cuộc điều tra, và đi đến kết luận là không có bằng chứng gì là tai

nạn do người ám hại. (Họ là những người đưa ra giải pháp Vĩnh San, họ cũng là những người lúc đầu nghi có sự mờ ám, cho nên kết luận của họ không có gì để cho người Việt Nam nghi ngờ ; và giả thuyết « ông Vĩnh San bị ám hại » của ông Nguyễn Đắc Xuân, trong cuốn “*Chuyện ba vua Dục Đức, Thành Thái, Duy Tân*”, nxb Thuận Hoá 1999, p.175-191, không có bằng chứng có tính cách thuyết phục).

Về thái độ của ông De Gaulle thuở đó thì không có gì chứng tỏ là ông ta có đầu óc « rộng rãi », ngay cả đối với ông Vĩnh San trong việc thống nhất ba « kỳ », tuy theo lời kể của E.P.Thébault (trong tài liệu đã dẫn) : « *Puis il [Vĩnh San] m'affirma que De Gaulle et lui étaient tombés assez vite d'accord sur les points essentiels et notamment sur la réunion des trois kỳ. De Gaulle, sans l'accepter formellement, semblait y être favorable : « Il y viendra nécessairement », me dit Vĩnh San* ». Ngược lại, theo « *Le général De Gaulle et l'Indochine, 1940-1946* » đã dẫn trên đây, có những nhân chứng cho thấy là việc đô đốc D'Argenlieu xin phép dùng từ « độc lập » trong việc điều đình (với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) mà không được phép (trang 73), thời điểm 7/1/1946, lúc đó ông De Gaulle còn cầm quyền ; việc ông De Gaulle dặn ông H.Laurentie : « Chớ cho Nam Kỳ cho ông Hồ Chí Minh » (trang 238), thời điểm tháng 8/1946, lúc đó ông De Gaulle đã từ chức. Và lại : Trong khi Hội nghị Việt-Pháp ở Đà Lạt đang họp (17/4/1946-12/5/1946), thì ngày 7/5/1946, ở Sài Gòn, Pháp cho thành lập « chánh phủ » Nguyễn Văn Thỉnh, trong hướng thành lập « Nam Kỳ quốc ». Tiếp theo đó, trong khi Hội nghị Fontainebleau đang họp (6/7/1946-10/9/1946), thì ngày 23/7/1946, đô đốc D'Argenlieu, Cao ủy Pháp ở Đông Dương, triệu tập ở Việt Nam một Hội nghị liên bang, gồm có các đại biểu « Việt Nam » (!?), « Nam Kỳ quốc » (!), « Tây Kỳ » (đất gồm khối dân tộc thiểu số miền Nam Đông Dương !), Lào và Miên ; đại biểu do Cao ủy chỉ định. Như vậy phải chăng là đối với chính quyền Pháp lúc đó, Việt Nam nghĩa là Bắc Kỳ + Trung Kỳ, và đâu đã có việc Pháp chấp nhận thống nhất 3 kỳ ? Nhắc lại những điều này để đối chiếu với lời chứng của ông Messmer và lời chứng khác về ông Duy Tân.

Cũng xin nhắc lại một sự việc tiếp theo : đọc lại mấy tờ báo Pháp vào những ngày 19, 20, 21, 22 tháng 12 năm 1946, nghĩa là vào

những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, thì thấy họ chẳng phân biệt người Việt Nam quốc gia, người Việt Nam cộng sản gì hết, chỉ thấy họ nói đến quyền lợi của Pháp ở Đông Dương ...

- [7] Trong những sự việc xảy ra trong thế kỉ 19, có lẽ ông ta cũng muốn đặc biệt nói tới cái khoản III của hòa ước 1874 (năm Tự Đức thứ 27) chẳng ? Theo khoản này, Pháp tặng vua nước Nam : 5 tàu có đủ máy móc súng ống ; 100 đại bác mỗi khẩu có 200 viên đạn ; 1000 súng tay và 5000 viên đạn. Nhưng cũng xin nhắc là trong hòa ước này, ở khoản V, triều đình Huế nhường đất cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ, tuy ở khoản II, Pháp công nhận quyền độc lập của vua nước Nam (nước Nam đây là Bắc Kỳ và Trung Kỳ) không phải thần phục nước nào. (Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim). Cũng nhắc thêm là trong thư ông Philastre gửi thống đốc Nam Kỳ ngày 7/11/1878, có mấy câu đại khái như sau : « Chính phủ An Nam đã nhận được 2000 khẩu súng, đó là thứ khí giới tạm dùng được, nếu người ta chịu chăm sóc nó. Ngay bây giờ hoặc một năm sau nữa là cùng, có lẽ không một khẩu súng nào trong số ấy còn dùng được bình thường. Các tàu thủy cũng thế [...] người ta để mặc cho thối đi hoặc rã rời vì thiếu chăm sóc [...] ». (Theo *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, của Yoshiharu Tsuboi, Ban KHXH Thành ủy TPHCM xb). Với Hòa ước năm 1883, nước Nam nhận nền bảo hộ của Pháp, rồi sau đó là Hòa ước năm 1884 ...
- [8] Người con cả là ông Hoàng Cao Khải là Hoàng Mạnh Trí, hán học, làm tổng đốc Nam Định, không có « thế » bằng người con thứ là Hoàng Trọng Phu, tây học, tốt nghiệp trường Thuộc địa ở Pháp, tổng đốc Hà Đông trong 30 năm, được phong Võ hiến điện đại học sỹ (một trong tứ trụ triều đình), cho nên gọi là cụ Võ. Cụ Võ mất vì tuổi già, vào thời sau khi thành lập chính phủ Trần Trọng Kim 1945 và trước Cách mạng Tháng tám ít lâu, nên bà Tương Phố có làm một bài thơ, khởi đầu bằng hai câu : « Được chết là may cụ Võ ơi. Sống lâu chút nữa cái đầu rơi ». Tôi nghĩ rằng chưa chắc đã như vậy, vì những ngày đầu Cách mạng Tháng tám, may rủi cũng nhiều cho đám quan lại, tùy theo địa phương : có người bị giết vì lý lẽ rõ ràng, cũng có người bị giết vì không may. Nhưng ở gần trung ương thì thoát, và nhất là khi chính phủ Dân chủ Cộng hòa đã thành lập, Hồ chủ tịch chủ trương đoàn kết. Con cháu họ Hoàng, như con rể là tổng đốc Hồ Đắc Diễm (anh bác sỹ Hồ Đắc

Di), đi kháng chiến lập nên công lao, vv. [Bà Trương phước, nữ danh Đỗ Thị Đàm, 1896-1973, là tác giả của *Giọt lệ thu*, *Tái tiếu sâu ngâm*,... Hồi Cách mạng Tháng tám, gia đình tôi có ở nhờ nhà bà ở tỉnh lỵ Phúc Yên mấy tuần, nên tôi có nghe bà đọc bài thơ đó].